

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ CÔNG NGHỆ HUNG NAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ CÔNG NGHỆ HUNG NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HUNG NAM TECHNOLOGY AND TECHNICAL TRADING COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: HUNG NAM TECH CO.,LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108092091

**3. Ngày thành lập:** 15/12/2017

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Thôn Lai Xá, Xã Kim Chung, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0975459166

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Mã ngành |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ đồ dùng gia đình bằng gốm, sứ, thủy tinh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ nhạc cụ trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác còn lại chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ sản phẩm bằng gỗ, lie, hàng đan lát bằng tre, song, mây và vật liệu tết bện;<br>- Bán lẻ thiết bị hệ thống an ninh như thiết bị khoá, kết sắt...không đi kèm dịch vụ lắp đặt hoặc bảo dưỡng; | 4759     |
| 2.  | Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4763     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 3.  | Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Các dịch vụ thông tin qua điện thoại;<br>- Các dịch vụ tìm kiếm thông tin thông qua hợp đồng hay trên cơ sở phí;<br>- Các dịch vụ cắt xén thông tin, báo chí, v.v...<br>- Cung cấp dịch vụ nội dung thông tin, dịch vụ công nghệ thông tin trên mạng viễn thông di động, mạng Internet                                                                                                                     | 6329 |
| 4.  | Dịch vụ đóng gói                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 8292 |
| 5.  | Xuất bản phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 5820 |
| 6.  | Hoạt động phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình<br>Chi tiết:<br>Phát hành băng video                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 5913 |
| 7.  | Cổng thông tin                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 6312 |
| 8.  | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Hoạt động tư vấn đầu tư; (không bao gồm tư vấn pháp luật, tư vấn tài chính)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 6619 |
| 9.  | Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4512 |
| 10. | Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác<br>Chi tiết:<br>- Sản xuất dây và cáp sợi tách biệt từ sắt, đồng, nhôm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 2732 |
| 11. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến<br>- Bán buôn xi măng<br>- Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi<br>- Bán buôn kính xây dựng<br>- Bán buôn sơn, véc ni<br>- Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh<br>- Bán buôn đồ ngũ kim<br>- Bán buôn ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác;<br>- Bán buôn thiết bị lắp đặt vệ sinh: ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su,... | 4663 |
| 12. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4741 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 13. | Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm, vật phẩm vệ sinh;<br>- Bán lẻ thảm treo tường, thảm trải sàn, đệm, chăn màn;<br>- Bán lẻ sách, truyện, báo, tạp chí;<br>- Bán lẻ trò chơi và đồ chơi;<br>- Bán lẻ thiết bị, đồ dùng gia đình, hàng điện tử tiêu dùng;<br>- Bán lẻ đĩa ghi âm thanh, hình ảnh.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4789 |
| 14. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ các loại hàng hóa bằng thư đặt hàng;<br>- Bán lẻ các loại hàng hóa qua internet<br>- Bán trực tiếp qua tivi, đài, điện thoại;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4791 |
| 15. | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ các loại hàng hóa bằng phương thức khác chưa kể ở trên như: bán trực tiếp hoặc chuyển phát theo địa chỉ; bán thông qua máy bán hàng tự động ..;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4799 |
| 16. | Hoạt động tư vấn quản lý<br>(không bao gồm tư vấn pháp luật, tư vấn tài chính)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 7020 |
| 17. | Sản xuất đồ gỗ xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 1622 |
| 18. | Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 1629 |
| 19. | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 3100 |
| 20. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ hoa, cây cảnh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ vàng, bạc, đá quý và đá bán quý, đồ trang sức trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ) trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ dầu hỏa, ga, than nhiên liệu dùng cho gia đình trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ đồng hồ, kính mắt trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ máy ảnh, phim ảnh và vật liệu ảnh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ xe đạp và phụ tùng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ hàng hóa khác mới chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh. | 4773 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |             |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 21. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác<br>Chi tiết:<br>Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác<br>Bán lẻ phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)<br>Đại lý phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đầu giá)                                                                                                                                                         | 4530        |
| 22. | Bán mô tô, xe máy<br>Chi tiết:<br>Bán buôn mô tô, xe máy<br>Bán lẻ mô tô, xe máy<br>Đại lý mô tô, xe máy (trừ hoạt động đầu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4541        |
| 23. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác<br>Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế<br>Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh<br>Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh<br>Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện<br>Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự<br>Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm<br>Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao<br>Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu | 4649        |
| 24. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4652        |
| 25. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4771(Chính) |
| 26. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 5210        |
| 27. | Khai thác gỗ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 0221        |
| 28. | Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác<br>Chi tiết:<br>- Hoạt động bảo dưỡng và sửa chữa ô tô                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4520        |
| 29. | Đại lý ô tô và xe có động cơ khác<br>Chi tiết:<br>- Đại lý ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4513        |
| 30. | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 6311        |
| 31. | Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4542        |
| 32. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4651        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 33. | Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác<br>Chi tiết:<br>- Sản xuất gỗ dán, bìa giấy đủ mỏng để sử dụng dán hoặc làm gỗ dán hoặc sử dụng cho các mục đích khác như:<br>+ Tấm gỗ được làm nhẵn, nhuộm, phủ, thấm tẩm, tăng cường (có giấy hoặc vải lót sau),<br>+ Làm dưới dạng rời,<br>- Sản xuất gỗ lạng, ván mỏng và các loại ván, tấm mỏng bằng gỗ tương tự,<br>- Sản xuất gỗ mảnh hoặc gỗ thớ,<br>- Sản xuất gỗ ván ghép và vật liệu dùng để cách nhiệt bằng thủy tinh,<br>- Sản xuất gỗ dán mỏng, gỗ trang trí ván mỏng | 1621 |
| 34. | Hoạt động nhiếp ảnh<br>Chi tiết:<br>- Chụp ảnh cho tiêu dùng và thương mại:<br>+ Chụp ảnh chân dung cho hộ chiếu, thẻ, đám cưới...,<br>+ Chụp ảnh cho mục đích thương mại, xuất bản, thời trang, bất động sản hoặc du lịch,<br>+ Chụp ảnh trên không,<br>+ Quay video: đám cưới, hội họp...;                                                                                                                                                                                                                                          | 7420 |
| 35. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: -Xuất khẩu, nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 8299 |
| 36. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 7320 |
| 37. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy<br>Chi tiết: Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy<br>Bán lẻ phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy<br>Đại lý phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                                         | 4543 |
| 38. | Đại lý, môi giới, đấu giá<br>Chi tiết: Đại lý, môi giới                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4610 |
| 39. | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4632 |
| 40. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép<br>Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt<br>Bán buôn cao su<br>Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp<br>Bán buôn máy móc, thiết bị phòng cháy chữa cháy, thiết bị cứu nạn, cứu hộ                                                                                                                                                                                                                    | 4669 |
| 41. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4722 |

|     |                                                                                                                                                                                             |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 42. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                              | 4723 |
| 43. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                   | 4742 |
| 44. | Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                             | 4751 |
| 45. | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính<br>Chi tiết:<br>- Khắc phục các sự cố máy vi tính và cài đặt phần mềm<br>- Hoạt động thương mại điện tử     | 6209 |
| 46. | Quảng cáo                                                                                                                                                                                   | 7310 |
| 47. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                   | 8230 |
| 48. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ thanh toán, tín dụng                                                                                                                                               | 8291 |
| 49. | Cửa, xe, bào gỗ và bảo quản gỗ                                                                                                                                                              | 1610 |
| 50. | Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                    | 4764 |
| 51. | Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                    | 4782 |
| 52. | Chuyển phát                                                                                                                                                                                 | 5320 |
| 53. | Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép                                                                                                                                                        | 4641 |
| 54. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                                           | 4690 |
| 55. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp<br>Chi tiết:<br>Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại<br>Bán lẻ khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp | 4719 |
| 56. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                           | 4721 |
| 57. | Lập trình máy vi tính                                                                                                                                                                       | 6201 |
| 58. | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                                                         | 6202 |
| 59. | Hoạt động viễn thông khác<br>Chi tiết:<br>- Cung cấp dịch vụ viễn thông qua các kết nối viễn thông hiện có như VOIP (điện thoại Internet);                                                  | 6190 |
| 60. | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)                                                                                        | 4511 |



